

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 21/2023/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24

tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tuần đường, tuần kiểm để bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 32/TTr-SGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2023; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 50/BC-STP ngày 20 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương

thuộc tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

2. Những nội dung không được quy định tại Quyết định này, được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan quản lý đường bộ gồm: Sở Giao thông vận tải; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

2. Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ là Cơ quan quản lý đường bộ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ là tổ chức, cá nhân được chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Phân cấp, trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương

1. Sở Giao thông vận tải quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông các tuyến đường tỉnh; phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã quản lý, ngăn chặn các vi phạm xảy ra trong phạm vi đất dành cho đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.

2. UBND cấp huyện quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường huyện, đường đô thị (trừ công tác tổ chức giao thông trên các tuyến đường đô thị thuộc địa bàn thành phố Quảng Ngãi); đặt số hiệu đường huyện; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý.

3. UBND cấp xã quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối các tuyến đường xã và đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn quản lý.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi chịu trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường chuyên dùng, đường đô thị

trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.

5. Đơn vị được UBND tỉnh phân cấp quản lý đường chuyên dùng chịu trách nhiệm quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định.”.

4. Bổ sung Điều 5a như sau:

“Điều 5a. Phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực đường bộ

1. Phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực đường bộ được thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định việc phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 43/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2019/TT-BGTVT.

2. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt Hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1

a) UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 trên các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải thẩm định;

b) Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 trên các tuyến đường được giao quản lý và các tuyến đường do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quản lý;

c) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thẩm định hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 trên các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường xã; Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt hồ sơ hoàn thành công trình khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 trên các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường xã.

3. Quản lý và sử dụng phương tiện, trang thiết bị, vật tư dự phòng.

Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ hoặc cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện xác định nhu cầu phòng chống thiên tai trên hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông được giao quản lý để đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm phương tiện, trang thiết bị, vật tư dự phòng và tổ chức mua sắm, quản lý, trông coi, bảo dưỡng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung tên Chương II như sau:

“Chương II

QUẢN LÝ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ; TỔ CHỨC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ; LẬP, PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ”.

6. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Nội dung quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

Thực hiện theo Quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; khoản 8 Điều 1 Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7 như sau:

“a) Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tổ chức chức giao thông đối với đường tỉnh, đường đô thị thuộc địa bàn thành phố Quảng Ngãi;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi quy định tổ chức giao thông đối với các đường được giao quản lý (trừ đường đô thị thuộc địa bàn thành phố Quảng Ngãi).”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ; thẩm định, phê duyệt và phân bổ dự toán bảo trì công trình đường bộ

1. Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; lập, thẩm định, phê duyệt dự toán bảo trì đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; quyết định phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công bảo trì công trình đường bộ theo quy định của pháp luật; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dịch vụ công bảo trì công trình đường bộ vượt quá thẩm quyền theo quy định.

2. Việc điều chỉnh, bổ sung hạng mục trong kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ thực hiện để phù hợp với điều kiện thực tế trong tổng thể kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đã được phê duyệt.

3. Trong trường hợp sửa chữa đột xuất, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ phải báo cáo cấp có thẩm quyền, đồng thời tổ chức thực hiện sửa chữa nhằm bảo đảm an toàn giao thông theo quy định.

4. Phân bổ dự toán bảo trì công trình đường bộ

a) Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi gửi kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đến Sở Tài chính để thống nhất về khả năng cân đối nguồn vốn; làm cơ sở để Sở Tài chính tham mưu cấp có thẩm quyền giao dự toán thu - chi ngân sách nhà nước theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước trên các tuyến đường được giao quản lý;

b) UBND cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ cho năm sau đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý, trình UBND cấp huyện báo cáo Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua và bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch bảo trì trên cơ sở khả năng cân đối nguồn vốn theo tiến độ xây dựng dự toán ngân sách theo Luật Ngân sách;

c) UBND cấp xã chỉ đạo công chức chuyên môn cấp xã lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ cho năm sau đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý, trình UBND cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua và bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch bảo trì trên cơ sở khả năng cân đối nguồn vốn theo tiến độ xây dựng dự toán ngân sách theo Luật Ngân sách.

d) Chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ lập, phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ cho năm sau đối với các tuyến đường được phân cấp quản lý, trên cơ sở khả năng cân đối nguồn vốn theo tiến độ xây dựng dự toán ngân sách theo Luật Ngân sách trên các tuyến đường được giao quản lý.”.

9. Bổ sung Điều 11a, Điều 11b như sau:

“Điều 11a. Đặt tên hoặc số hiệu đường bộ

1. Đặt tên hoặc số hiệu đường bộ thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Chương V Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Mã số đường huyện gồm 2 chữ số tự nhiên từ 01 đến 99; quy định mã số đường huyện cho từng huyện, thị xã, thành phố tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.

3. Số hiệu đường xã được đặt theo quy định chung như sau: ĐX.x.y; trong đó: ĐX là ký hiệu cho loại đường xã, x là số thứ tự của các tuyến đường xã trên địa bàn xã (gồm 2 chữ số tự nhiên từ 01 đến 99), y chữ cái

viết tắt của xã (ví dụ: ĐX.01.NK là số hiệu tuyến đường xã số 01 tại xã Nghĩa Kỳ).

Điều 11b. Quản lý cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ bao gồm: Danh mục và loại đường giao thông, chiều dài, kết cấu, năm xây dựng, tải trọng khai thác, chất lượng hiện tại; dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nội dung khác, được lập và chỉnh lý hằng năm.

a) Cơ quan quản lý đường bộ phải có hồ sơ quản lý riêng cho từng công trình trên các tuyến đường được giao quản lý;

b) Hồ sơ quản lý gồm bản vẽ hoàn công, các biên bản kiểm tra, kiểm định công trình; biên bản kiểm kê tài sản, biến động giá trị tài sản hằng năm; hồ sơ về lịch sử sửa chữa, nâng cấp. Định kỳ hằng năm, Cơ quan quản lý đường bộ tổng hợp, thống kê các thay đổi về cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và cập nhật vào phần mềm cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từng bước được số hóa và tích hợp vào phần mềm dữ liệu dùng chung cho toàn tỉnh.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được giao quản lý vào các phần mềm cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; chỉ đạo các đơn vị, địa phương xây dựng, chỉnh lý, cập nhật cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng đường bộ đối với hệ thống đường bộ được phân cấp quản lý vào các phần mềm cơ sở dữ liệu kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ

1. Việc sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ được thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; Chương III Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP; khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT.

2. Việc sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được UBND tỉnh công bố và các quy định của pháp luật có liên quan.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường bộ địa phương

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đến chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ để được xem xét giải quyết.

2. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này;

b) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó hồ sơ thiết kế phải đầy đủ bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình (bản chính);

c) Văn bản cam kết di chuyển hoặc cải tạo công trình đúng tiến độ theo yêu cầu của chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ, không yêu cầu bồi thường và tự chịu kinh phí để thực hiện việc di chuyển hoặc cải tạo công trình của chủ đầu tư dự án công trình thiết yếu (bản chính).

4. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ có văn bản chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu cho chủ đầu tư. Trường hợp không đồng ý, chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

12. Sửa đổi khoản 3 Điều 18 như sau:

“3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hợp kỹ thuật của công trình đường bộ đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy định này để được chấp thuận cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công và chi trả kinh phí thuê hợp kỹ thuật theo quy định của pháp luật.”

13. Sửa đổi Điều 19 như sau:

“Điều 19. Trình tự và cách thức thực hiện thủ tục hành chính

Trình tự và cách thức thực hiện thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Chương II Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Điều 20. Đầu nối đường nhánh vào đường chính

1. Đường chính là đường bảo đảm giao thông chủ yếu trong khu vực, gồm: đường tỉnh, đường huyện.

2. Đường nhánh là đường nối vào đường chính

a) Đường chính là đường tỉnh: Đường nhánh đầu nối vào đường chính gồm: Đường huyện, đường xã, đường đô thị và các loại đường giao thông nông thôn; đường chuyên dùng; đường gom, đường nối từ đường gom; đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội;

b) Đường chính là đường huyện: Đường nhánh đầu nối vào đường chính gồm: Đường xã, đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm, hẻm phố và các điểm dân cư; các loại đường giao thông nông thôn khác; đường chuyên dùng; đường gom, đường nối từ đường gom; đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đường nhánh đầu nối vào đường chính phải thông qua điểm đầu nối thuộc danh mục các điểm đầu nối được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc có ý kiến chấp thuận vị trí đầu nối của cơ quan có thẩm quyền và phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại khoản 2 Điều 21 Quy định này.

4. Không đầu nối vào bụng đường cong nằm có bán kính đường cong nhỏ hơn bán kính đường cong tối thiểu thông thường theo cấp đường quy hoạch; lưng đường cong có bố trí siêu cao; trong đoạn đường dốc có độ dốc dọc lớn hơn độ dốc dọc lớn nhất theo cấp đường đang khai thác; trong khu vực địa hình không bảo đảm tầm nhìn lái xe.

5. Việc thiết kế nút giao đầu nối vào đường chính phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng thông hành của đường chính.

6. Trường hợp cần thiết, xem xét cho phép đầu nối tạm có thời hạn để vận chuyển vật tư, thiết bị và thi công các dự án: Chủ đầu tư công trình phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông (có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) của điểm đầu nối vào đường chính. Khi hết thời hạn đầu nối tạm, chủ đầu tư công trình phải hoàn trả như hiện trạng ban đầu.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Danh mục các điểm đầu nối đường nhánh vào đường chính

1. Danh mục các điểm đầu nối bao gồm việc xác định vị trí, hình thức giao cắt giữa đường chính với đường nhánh để xây dựng nút giao thông và phương án tổ chức giao thông nhằm bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ công trình đường bộ.

2. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối

a) Trong khu vực đô thị: Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối thực hiện theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Ngoài khu vực đô thị: Khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định như sau: Đối với đường tỉnh không nhỏ hơn 1.000m; đối với đường huyện không nhỏ hơn 500m và phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ được duyệt.

Trường hợp khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối liền kề cùng phía trên đường tỉnh, đường huyện không bảo đảm khoảng cách tại điểm b khoản này hoặc điểm đầu nối nằm trong khu vực có địa hình khó khăn trong việc xây dựng đường gom do hành lang đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối, đường sắt và các chướng ngại vật khác khó khăn trong việc di dời hoặc điểm đầu nối từ các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng, công trình trọng điểm quốc gia, công trình quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND cấp huyện (đối với đường tỉnh), UBND cấp xã (đối với đường huyện) lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi Cơ quan quản lý đường bộ để xem xét, chấp thuận. Cơ quan quản lý đường bộ tổ chức kiểm tra, xem xét từng trường hợp cụ thể. Việc chấp thuận vị trí nút giao đầu nối vào hệ thống đường bộ phải bảo đảm hoạt động giao thông thông suốt, bảo đảm an toàn giao thông, thoát nước; không ảnh hưởng, làm hư hại tài sản đường bộ hiện hữu và đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Hồ sơ xác định danh mục các điểm đầu nối vào đường chính

a) Thuyết minh: Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực hai bên đường chính có điểm đầu nối; các thông tin về quy hoạch của tuyến, đoạn tuyến đường chính có điểm đầu nối; tình hình sử dụng hành lang an toàn đường bộ và an toàn giao thông trên đoạn tuyến; hiện trạng của tuyến, đoạn tuyến đường chính có điểm đề nghị đầu nối: cấp đường hiện hữu, điểm đầu, điểm cuối, khu vực nội thành, nội thị; đặc điểm địa hình có điểm đầu nối (*vực sâu, núi cao, sông, suối; bán kính cong, tầm nhìn, nhà cửa, vật kiến trúc; các chướng ngại vật không thể di dời, khả năng xây dựng đường gom; các công trình lân cận điểm đầu nối như cầu, hầm đường bộ, điểm giao cắt với đường sắt*); khả năng bố trí quỹ đất để thiết kế đảm bảo các yếu tố hình học của nút giao, bố trí làn dừng xe chờ rẽ trái, làn chuyển tốc. Sơ họa bình đồ tuyến đường trong phạm vi từ điểm đề nghị đầu nối về hai phía, mỗi phía không nhỏ hơn khoảng cách tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này; Lý do các điểm đầu nối không đảm bảo yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều này; lộ trình xóa bỏ các đường nhánh không đảm bảo yêu cầu tại khoản 2 Điều

này; các quy hoạch, quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt liên quan đến điểm đầu nối vào đường chính; quy hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của các đô thị có tuyến đường chính đi qua (nếu có); bình đồ thể hiện các nội dung của bảng tổng hợp;

b) Tổng hợp điểm đầu nối

Bảng tổng hợp danh mục các điểm đầu nối gồm một số nội dung cơ bản: Về hiện trạng và xác định vị trí, hình thức giao cắt của điểm đầu nối; về hiện trạng và xác định vị trí, quy mô của đường gom.

4. Thẩm quyền lập, phê duyệt danh mục các điểm đầu nối

a) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện lập hồ sơ danh mục các điểm đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện đảm bảo quy định tại khoản 2 và khoản 3 này và cập nhật các điểm đầu nối đã được Cơ quan quản lý đường bộ chấp thuận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành và hồ sơ danh mục các điểm nối đường nhánh vào đường chính;

b) UBND cấp huyện phê duyệt danh mục các điểm đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh, đường huyện đảm bảo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, bao gồm các điểm đầu nối đã được Cơ quan quản lý đường bộ chấp thuận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; gửi quyết định phê duyệt danh mục các điểm đầu nối về UBND tỉnh, Sở Giao thông vận tải.”.

16. Sửa đổi khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1:

“1. Chủ công trình sử dụng điểm đầu nối nằm trong danh mục các điểm đầu nối đã được phê duyệt phải đề nghị chủ quản lý sử dụng công trình đường bộ xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào đường chính.”.

b) Sửa đổi điểm b khoản 3:

“b) Danh mục các điểm đầu nối vào đường chính đã được phê duyệt;”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Nguồn kinh phí quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Nguồn kinh phí quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ, gồm: Vốn nhà nước ngoài đầu tư công, vốn ngân sách nhà nước chi thường xuyên, nguồn thu từ việc khai thác, sử dụng công trình xây dựng; nguồn đóng góp và huy động của các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ phải được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với hệ thống đường bộ địa phương; tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Định kỳ tổng hợp báo cáo tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ do địa phương quản lý gửi về UBND tỉnh và Cục Đường bộ Việt Nam theo quy định.

3. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương được giao quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí quản lý, bảo trì công trình đường bộ hằng năm trên các tuyến đường được giao quản lý gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí để thực hiện.

5. Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện kiểm tra, xử lý các sự cố trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

7. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

8. Chấp thuận xây dựng công trình, chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao của đường nhánh đấu nối vào đường chính; cấp, thu hồi giấy phép thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

1. Thực hiện quyền, trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với công trình đường được giao quản lý; tổ chức thực hiện công tác quản lý, bảo trì các tuyến đường thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác đối với công tác quản lý và bảo trì công trình đường bộ thuộc hệ thống đường địa phương được giao quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ; phát hiện và ngăn chặn các tổ chức, cá nhân phá hoại công trình đường bộ, vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

4. Phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác cưỡng chế tháo dỡ các công trình xây dựng trái phép, giải tỏa hành lang an toàn đường bộ.

5. Chịu trách nhiệm về sự cố trong thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình đường bộ, các hư hỏng, xuống cấp trong thời gian khai thác sử dụng công trình đường bộ.

6. Tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí quản lý, bảo trì công trình đường bộ hằng năm trên các tuyến đường được giao quản lý gửi Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí để thực hiện.

7. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được giao quản lý theo nội dung, thời gian quy định về chế độ báo cáo định kỳ của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

8. Chấp thuận xây dựng công trình; cấp, thu hồi giấy phép thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thực hiện quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ các tuyến đường bộ theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

3. Quản lý, sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định của pháp luật. Trong quá trình quản lý sử dụng đất phải xem xét bố trí phạm vi đất dành cho lối thoát nước ra sông, suối, ao hồ, kênh mương dọc theo đường bộ phù hợp với địa hình thoát nước tự nhiên và hệ thống tiêu thoát nước; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

5. Có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố theo quy định của pháp luật.

6. Bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường được giao quản lý theo Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm về sự cố trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình đường bộ, các hư hỏng, xuống cấp của công trình đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị.

8. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường bộ; công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác đối với đường huyện, đường đô thị.

9. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải) tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được giao quản lý theo nội dung, thời gian quy định về chế độ báo cáo định kỳ của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

10. Chấp thuận xây dựng công trình, chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao của đường nhánh đấu nối vào đường chính; cấp, thu hồi giấy phép thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.”.

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ các tuyến đường bộ theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

3. Quản lý, sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ và hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn mình quản lý (kiểm tra, lập biên bản và xử lý kịp thời các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ và hành lang an toàn đường bộ) hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý (khi vượt quá thẩm quyền).

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với các tuyến đường trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

5. Có trách nhiệm giải quyết tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

6. Bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện công tác quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên các tuyến đường được giao quản lý theo Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

7. Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì công trình đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác đối với đường xã.

8. Chịu trách nhiệm về sự cố trong thi công xây dựng và khai thác sử dụng công trình đường bộ, các hư hỏng, xuống cấp của công trình đường bộ đối với đường xã.

9. Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới.

10. Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được giao quản lý theo nội dung, thời gian quy định về chế độ báo cáo định kỳ của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

11. Chấp thuận xây dựng công trình, cấp, thu hồi giấy phép thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên các tuyến đường được giao quản lý.”.

22. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Các sở, ngành và đơn vị liên quan

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trong quá trình thẩm định, tham mưu UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước) phải tuân thủ các quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

2. Sở Tài chính: Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, căn cứ nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí dự toán kinh phí để thực hiện theo Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Sở Xây dựng: Hướng dẫn lập, quản lý và thực hiện quy hoạch xây dựng đảm bảo quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; đảm bảo về hành lang an toàn đường bộ, đường gom, đầu nối theo quy định; phối hợp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ, đơn vị được phân cấp, ủy quyền quản lý đường bộ và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện quy hoạch và xây dựng hệ thống công trình thủy lợi có kết hợp với đường giao thông; hướng dẫn việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ để canh tác nông nghiệp bảo đảm an toàn công trình đường bộ.

6. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo lực lượng công an thực hiện công tác tuần tra, kiểm soát, điều tra và phối hợp với UBND cấp huyện, UBND cấp xã, Sở Giao thông vận tải, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ

tầng giao thông đường bộ, bảo đảm trật tự an toàn giao thông thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn lực lượng công an cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch, tổ chức lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính khi có yêu cầu, huy động.

7. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý đường bộ tổ chức bảo vệ công trình quốc phòng kết hợp với công trình đường bộ.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phải bảo đảm kỹ thuật và an toàn công trình đường bộ.

9. Sở Công Thương: Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc xây dựng hệ thống trạm xăng dầu, công trình điện và các cơ sở dịch vụ khác dọc theo đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc quy hoạch và xây dựng các công trình thuộc thẩm quyền quản lý dọc theo đường bộ và các hoạt động văn hóa diễn ra trên đường bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

11. Đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động trên đường bộ

a) Chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng, khai thác và bảo vệ công trình đường bộ, đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ và các quy định khác có liên quan; chấp hành sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý đường bộ về việc sử dụng phạm vi đất dành cho đường bộ;

b) Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ hoặc UBND nơi gần nhất theo địa bàn quản lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.”.

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau:

“Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Sở Giao thông vận tải là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, vận hành khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện Quy định này và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung kịp thời.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi; thay thế, bỏ các cụm từ tại Phụ lục II Mẫu đơn đề nghị cấp phép thi công công trình, Phụ lục III Mẫu đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao, đường nhánh đầu nối vào đường chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh như sau:

“**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”.

2. Thay thế, bỏ một số cụm từ tại Phụ lục II Mẫu đơn đề nghị cấp phép thi công công trình, Phụ lục III Mẫu đơn đề nghị chấp thuận thiết kế nút giao, đường nhánh đầu nối vào đường chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND như sau:

a) Bỏ cụm từ “(...2...)” Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận” và cụm từ “công trình thiết yếu” tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND;

b) Thay thế cụm từ “Quy hoạch” bằng cụm từ “Danh mục” tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND.

Điều 3. Bãi bỏ Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 15, Điều 22, Điều 31, Điều 33 Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi, Phụ lục I Mẫu đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi khoản 3 Điều 11, khoản 4 của các Điều 14, 15, 16, 23 và 24 của Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao

thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2023.
2. Những nội dung khác của Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2015 của UBND tỉnh và Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Đặng Văn Minh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Phụ lục I
MÃ SỐ QUY ĐỊNH ĐẶT SỐ HIỆU CHO CÁC HỆ THỐNG
ĐƯỜNG HUYỆN**

*(Kèm theo Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND
Ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

| TT | Tên đơn vị hành chính | Số hiệu |
|-----------|------------------------------|----------------|
| 1 | Huyện Bình Sơn | 01 - 11 |
| 2 | Huyện Sơn Tịnh | 12 - 19 |
| 3 | Huyện Tư Nghĩa | 20 - 29 |
| 4 | Huyện Mộ Đức | 30 - 39 |
| 5 | Thị xã Đức Phổ | 40 - 45 |
| 6 | Huyện Nghĩa Hành | 46 - 52 |
| 7 | Huyện Minh Long | 53 - 57 |
| 8 | Huyện Ba Tơ | 58 - 63 |
| 9 | Huyện Trà Bồng | 64 - 73 |
| 10 | Huyện Sơn Hà | 74 - 82 |
| 11 | Huyện Sơn Tây | 83 - 89 |
| 12 | Huyện Lý Sơn | 90 - 93 |
| 13 | Thành phố Quảng Ngãi | 94 - 99 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phụ lục II

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM
VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG
PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

(Kèm theo Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

(1)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP
PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ
KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

(...3...)

Kính gửi (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi;

- Căn cứ Quyết định số .../2023/QĐ-UBND ngày .../.../2023 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương thuộc tỉnh Quảng Ngãi ban hành kèm theo Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

- (...5.....)

(...2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...5...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...6...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...7...) (bản chính).

+ (...8...).

(...2....) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển

khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công.

(...2...) cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...9...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, đề xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

(...2....)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (công trình thiết yếu thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thuận và cấp phép, đường bộ địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của ĐT.621”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công;

(5) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thuận và cấp phép thi công.

(6) Ghi đầy rõ lý trình, tên đường bộ địa phương.

(7) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(8) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết.

(9) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để điền đầy đủ các thông tin cần thiết và gửi kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan cho phù hợp./.